

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1570/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Xuân Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc tại Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc đề nghị hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 125/TTr-LĐTBXH ngày 15/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Xuân Lộc gồm 4.499 đối tượng và tổng kinh phí

hỗ trợ là 3.374.250.000 đồng (ba tỷ, ba trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn); cụ thể như sau:

1. Đối tượng thuộc hộ nghèo: 1.309 người, kinh phí hỗ trợ là 981.750.000 đồng.

2. Đối tượng thuộc hộ cận nghèo: 3.190 người, kinh phí hỗ trợ là 2.392.500.000 đồng.

3. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Xuân Lộc (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Xuân Lộc chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trũng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUÂN LỘC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND Chủ tịch tỉnh)

Mẫu số: 1

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp dụng ở
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
I	TT. Gia Ray					
1	Lưu Thị Thu Hồng	6	6	750.000	4.500.000	khu 4
	Nguyễn Quốc Thanh					
	Nguyễn Lưu Huy Hoàng					
	Nguyễn Nhật Huy Hữu					
	Nguyễn Lưu Thanh Thảo					
2	Nguyễn Nhật Minh Hậu	2	1	750.000	750.000	khu 5
	Đào Thị Thông (Lê Dầu)					
	Đoàn Ngọc Tuấn					
	Nguyễn Thị Lôm					
	Đoàn Nguyễn Hoàng Tiến					
3	Đoàn Nguyễn Thùy Tiên	5	5	750.000	3.750.000	khu 8
	Đoàn Hữu Tình					
	Vũ Thị Bình Minh					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	6	5	750.000	3.750.000	khu 3
	Nguyễn Thị Thanh Tuyền					
	Nguyễn Thị Thu Hằng					
	Phạm Nguyễn Nhật Khang					
5	Nguyễn Thị Thương	1	1	750.000	750.000	khu 7
	Cộng thị trấn:		18	750.000	13.500.000	
II	Xuân Hòa					
1	Đặng Văn Biên	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
2	Thạch Thị Sa Hoanh	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
3	Thị Sánh	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
4	Nguyễn Thị Mỹ	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
5	Lý Thị Thanh	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
6	Lương Thanh Liêm	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Dương Ngọc Hoa					
7	Nguyễn Thị Đổng	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
8	Trần Công Công	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
9	Đặng Thị Lụa	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hòa
10	Trần Thị Năm	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hòa

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
11	Nguyễn Thị Cúc Hoa	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hòa
12	Nguyễn Lê Công Thành	1	1	750.000	750.000	Ấp 1, Xuân Hòa
13	Nguyễn Thị Tâm	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
14	Hoàng Thị Tuyết	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
15	Lương Thị Nhi	2	2	750000	1.500.000	Ấp 4, Xuân Hòa
16	Lương Hoàng Phi Hùng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Phạm Thị Thu Hà					
	Đoàn Thị Kim Anh					
	Đoàn Quang Chí Nghĩa					
17	Đoàn Duy Tân	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Hoa					
	Phạm Hồng Phước					
	Phạm Văn Lộc					
18	Phạm Văn Đạt	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Dương Phước					
	Dương Quốc Tùng					
	Thạch Thị Hà					
	Thạch Ngân					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp đang ở
19	Thạch Hai	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Thạch Ngọc Hậu					
	Thạch Ngọc Nhân					
	Nguyễn Giang Long					
20	Phạm Thị Tâm					
	Nguyễn Thị Phương					
	Nguyễn Hữu Trí	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Nguyễn Thị Bình					
	Nguyễn Kim Ngân					
	Nguyễn Mạnh Cường					
21	Thị Sậy					
	Điền Côn					
	Điền Bá Hậu	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 2, Xuân Hòa
	Điền Bá Hào					
	Điền Thị Ngọc Hoa					
22	Văn Nu					
	Lý Thị Nhiều	4	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hòa
23	Thị Phẩm	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
24	Nguyễn Ngọc Cường	3	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hòa
25	Lê Quỳnh	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Ông Thi Lộc					
	Lê Khánh Hùng					
26	Trần Thị Loan	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3, Xuân Hòa
	Thạch Thanh Tâm					
	Thạch Trần Minh Anh					
	Thạch Trần cảm Ly					
27	Trần Thị Ngọc Tuấn	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 4, Xuân Hòa
	Trần Minh Thái					
	Trần Thị Bé					
	Trần Minh Vương					
28	Nguyễn Thị Thanh Hộ	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 4, Xuân Hòa
	Nguyễn Công Minh					
	Nguyễn Thị Thùy Linh					
	Nguyễn Thế Thiên Ân					
	Trần Phan Nam					
	Nguyễn Thị Tuyên Nữ					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
29	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 4, Xuân Hòa
	Trần Quốc Huy					
	Nguyễn Doan					
	Trần Quốc Hoàn					
	Cộng xã:	74	69	750.000	51.750.000	
III	Xuân Hưng					
1	Hồ Thị Đen	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Hồ Văn Vũ					
2	Đoàn Quang Gia	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Lê Thị Bé					
3	Nguyễn Văn Phước	6	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Đặng Thị Đới					
	Nguyễn Văn Phái					
	Nguyễn Văn Cường					
4	Lâm Kim Nguyên (Lâm Văn Nira)	3	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
5	Nguyễn Thị Bướm	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
6	Nguyễn Thị Châu	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
7	Bùi Văn Còn	1	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
8	Hoàng Thị Cây	1	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
9	Lê Thị Xuân	2	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hưng
10	Nguyễn Đăng Mua	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hưng
	Trần Thị Thảo					
11	Dương Văn Quang	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hưng
	Dương Thị Sen					
12	Nguyễn Hòe (Tạ Thị Kiểu)	2	1	750.000	750.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
13	Lê Thị Mai (Nguyễn Thị Dương)	2	1	750.000	750.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
14	Nguyễn Thị Linh (Phùng Viết)	2	1	750.000	750.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
15	Nguyễn Bảo (Bùi Thị Xuất)	5	3	750.000	2.250.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
	Nguyễn Thị Nga					
	Nguyễn Thị Thu Thủy					
16	Thị brem	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
17	Nà kiếp rí giá	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
18	íp rô him (Thị Sa Li Mah)	2	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
19	Thị Viết	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
20	Nguyễn Thị Bảy	1	1	750.000	750.000	Ấp 1, Xuân Hưng
21	Nguyễn Thị Bé	1	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
22	Nguyễn Ngọ (Nguyễn Thị An)	4	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
23	Huỳnh Kim Hóa (Huỳnh Thị Lành)	2	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
24	Nguyễn Nghĩa (Nguyễn Thị Hiếu)	2	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
25	Nguyễn Thị Tuyết	1	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
26	Nguyễn Thị Lệ	1	1	750.000	750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
27	Nguyễn Thị Lương	1	1	750.000	750.000	Ấp 3, Xuân Hưng
28	Nguyễn Thị Cúc	1	1	750.000	750.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
29	Hoàng Nguyễn Nhật Trường (Hoàng Thị Xuân)	2	1	750.000	750.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
30	Sa la mach a phan di	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
31	Angle pou rean	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
32	Chăm sên	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Thị ná					
33	Thị rôn	1	1	750.000	750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
34	Thị phương	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Mo ha mad a li					
35	Tà Ngọc Nguyễn	3	1	750.000	750.000	Ấp 5, Xuân Hưng
36	Mai Thị Tranh	1	1	750.000	750.000	Ấp 5, Xuân Hưng
37	Nguyễn Thị Khánh	1	1	750.000	750.000	Ấp 5, Xuân Hưng

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
38	Đặng Hữu Vinh (Lê Thị Lý)	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Đặng Hữu Quang					
39	Trần Vũ Phong (Vũ Thị Hồng Vân)	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Vũ Hồ Anh Thi					
	Vũ Hồ Anh Thụ					
	Vũ Hồ Kim Anh					
40	Thạch Thị Vương (Dương Khết)	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Dương Thị Tuyết Ánh					
	Phan Quốc Đạt					
	Phan Quốc Đại					
	Phan Quốc Hà					
41	Trương Văn Hưng	8	8	750.000	6.000.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Võ Thị Cúc					
	Trương Gia Bảo					
	Trương Gia Huy					
	Trương Gia Vũ					
	Trương Gia Huyền					
	Trương Gia Hân					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Trương Văn An					
42	Lê Thị Mỹ Hà	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 1, Xuân Hưng
	Lê Thị Thanh					
	Hồ Bá Tuấn					
43	Trần Thanh Tâm (Trần Văn Trảo)	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1A, Xuân Hưng
	Trần Thị Cẩm Nhung					
	Trần Chí An					
	Trần Hiếu Nghĩa					
44	Huỳnh Văn Đới	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 1A, Xuân Hưng
	Vũ Thị Kiều Chi					
	Huỳnh Như Thủy					
	Huỳnh Thị Mỹ Duyên					
	Huỳnh Thị Mỹ					
45	Chamaléa Chương	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 1A, Xuân Hưng
	Cator Thị Mạnh					
	Chamaléa Hồng					
	Chamaléa Quyền Hưng					
	Chamaléa Đan Huy					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
46	Nguyễn Quốc Tuấn (Nguyễn Thị Tháp)	3	1	750.000	750.000	Ấp 1A, Xuân Hưng
47	Nguyễn Anh Vũ (Đỗ Thị Hương) Nguyễn Đỗ Anh Tú	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hưng
48	Trương Hữu Thắng (Trương Hữu Hiền)	2	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
49	Nguyễn Thị Thủy Tiên	2	1	750.000	750.000	Ấp 2, Xuân Hưng
50	Trần Thị Mon Trương Thị Nhung Trương Công Danh Trương Quỳnh Như	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2, Xuân Hưng
51	Trương Thị Hưng Nguyễn Đức Trí	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2, Xuân Hưng
52	Võ Thị Bích Thuận Nguyễn Thái Hòa Nguyễn Võ Bảo Ngọc Nguyễn Võ Nhật Minh	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
53	Huỳnh Thị Mỹ Duyên (Nguyễn Thị Cúc) Huỳnh Cao Thiên Dương Huỳnh Thị Phương Dung	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 2A, Xuân Hưng

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
54	Võ Đình Hùng	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
	Ngô Thị Kim Khánh					
	Võ Thị Kim Oanh					
	Võ Thị Nhã Uyên					
55	Võ Thị Ngọc Nữ	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
	Nguyễn Thế Hoàng					
	Trần Thị Mỹ Linh					
	Nguyễn Trần Phương An					
56	Nguyễn Trần Liên An	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
	Võ Thị Sĩ (Phan Thị Dành)					
	Nguyễn Văn Vũ					
	Nguyễn Quốc Thiên					
57	Phùng Thị Thu Hà (Phạm Công Phúc)	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2A, Xuân Hưng
	Phan Thị Hương Bình					
	Lê Thị Bông					
58	Lý Thanh	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hưng
	Nguyễn Thị Huệ					
59	Trần Thị Mỹ Nhung	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3, Xuân Hưng

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	Nguyễn Văn Trường					
60	Trần Quốc Tài (Hoàng Thị Chuyên)	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 3, Xuân Hưng
	Trần Hoàng Nhi					
61	Trần Quốc Bảo	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
	Trần Quốc Lực (Mai Thị Đồng)					
	Trần Thị Thùy Vân					
	Trần Thị Thu Nguyệt					
62	Trương Ngọc Quỳnh Thy (Nguyễn Thị Tường)	5	3	750.000	2.250.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
	Trương Trần Phúc Thịnh					
	Trương Trần Văn Anh					
63	Điền Thị Kim Hương	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3A, Xuân Hưng
	Thạch Thị Thương					
	Thạch Mến					
	Thạch Đến					
64	Ma ry dâm	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Mus ta pha					
	Pha si ni					
	A sa ry					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	A si giá					
65	Châu mu sa	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Nguyễn bùi như trang					
	Nguyễn văn mạch a ly					
	Nguyễn thị sa phi roh					
	Nguyễn thị sa phi yah					
66	Nguyễn thị ka ti na	7	7	750.000	5.250.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Ais hah					
	A ly sa ky nah					
	Muhammad aly eh san					
	Su may yah a ly					
	Sa phi y					
	Trà hăm baly					
67	Trà Phương dũng	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	ty chờ					
	siti fau zi yah					
	Sa liêm					
	mohammad syu kur ah san					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
	sí tí a bí dah					
	Du sốh					
	Sa ma êl					
68	Y man	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	An sa ri					
	Điều gím					
	Thị dân					
69	Điều mạnh	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Điều thị thẻ					
	Điều hùng trưởng					
	Nguyễn Văn Tuấn					
70	Trịnh Thị Tình	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Nguyễn Trịnh Minh Tú					
	Chăm Số					
	Ka Mí Lan					
71	Pha Ti Na	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	MohaMach Ro Ma Ton					
	Chăm Co Tiếu					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
72	Thị A Sa Roh	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 4, Xuân Hưng
	Quan Na					
73	Trần Thị Hoài Thương (Trần Văn Tùng)	3	1	750.000	750.000	Ấp 5, Xuân Hưng
	Mai Văn Hoàng	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 5, Xuân Hưng
74	Mai Thành Đạt					
	Đặng Quang Thảo					
75	Đoàn Thị Phụng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 5, Xuân Hưng
	Đặng Quang Chiến					
	Đặng Quang Huy					
	Cộng xã:	225	183	750.000	137.250.000	
IV	Xuân Tâm					
1	Từ Thị Kim Hoa	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 1
	Từ Minh Hải					
2	Nhan Thị Hới					
	Từ Minh Ngọc	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1
	Từ Văn Thành					
	Từ Thị Xuân Huỳnh					
3	Lê Liên	1	1	750.000	750.000	Ấp 2

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
4	Nguyễn Thị Đào	1	1	750.000	750.000	Ấp 4
5	Châu Thị Hiệu	3	1	750.000	750.000	Ấp 4
6	Đặng Thị Bé	1	1	750.000	750.000	Ấp 5
7	Hồ Thị Mai	1	1	750.000	750.000	Ấp 6
8	Nguyễn Thị Bình	1	1	750.000	750.000	Ấp 6
9	Đinh Thị Rền	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2
10	Đinh Văn Hùng	1	1	750.000	750.000	Ấp 2
11	Phạm Thị Anh	1	1	750.000	750.000	Bàng Lãng
12	Nguyễn Sơn	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 2
13	Nguyễn Thị Diệu Hiền	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2
14	Nguyễn Văn Bằng	3	1	750.000	750.000	Ấp 2
15	Nguyễn Thị Na	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 2
	Lê Văn Dũng (Nguyễn Thị Quý)					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp đang ở
	Nguyễn Thị Thoa					
16	Lê Thị Hương	2	1	750.000	750.000	Bằng Lăng
17	Nguyễn Thị Hồng	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
18	Nguyễn Thị Châu	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
19	Cao Thị Vui	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
20	Tôn Thị Thanh Trà	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
21	Nguyễn Thị Huỳnh	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
22	Trần Thị Lý	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
23	Huỳnh Thị Tường	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
24	Nguyễn Thị Thúy	2	1	750.000	750.000	Ấp 3
25	Đoàn Thị Thu Trang	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
26	Nguyễn Thị Thắm	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
27	Huỳnh Thị Hồng	1	1	750.000	750.000	Ấp 3
28	Nguyễn Thị Phòng	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3
	Nguyễn Hạ Kỳ Duyên					
29	Giáp Thị Hay (Võ Quốc Chí)	2	1	750.000	750.000	Ấp 3
30	Nguyễn Thị Vương	1	1	750.000	750.000	Ấp 4
31	Lê Trung Hải (Lê Giáp)	4	2	750000	1.500.000	Ấp 4

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp dụng ở
	Lê Hoàng Phong					
32	Nguyễn Văn Thứ	2	2	750000	1.500.000	Áp 5
	Bùi Thị Cúc					
33	Trần Thị Tâm	1	1	750.000	750.000	Áp 5
34	Nguyễn Thị Diệp (Đoàn Quang Học)	3	2	750.000	1.500.000	Áp 5
	Đoàn Quang Uyên					
35	Hồ Thị Năm	2	1	750.000	750.000	Áp 6
36	Lê Thị Giáng	1	1	750.000	750.000	Áp 6
37	Nguyễn Thị Kim Sang	2	2	750.000	1.500.000	Áp 6
	Nguyễn Hồ Tấn Quyền					
38	Huỳnh Thị Yến	1	1	750.000	750.000	Áp 6
39	Hồ Thị Sáu	1	1	750.000	750.000	Áp 6
40	Nguyễn Thị Vui	1	1	750.000	750.000	Áp 6
41	Trần Thị Trọng	2	2	750.000	1.500.000	Áp 6
	Nguyễn Anh Tuấn					
42	Lê Thị Lan	1	1	750.000	750.000	Áp 7
43	Hồ Thị Hai	1	1	750.000	750.000	Áp Gia Ui
44	Nguyễn Ngọc Hoài	2	2	750.000	1.500.000	Áp 1

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp dụng ở
	Nguyễn Văn Bông					
45	Lê Quốc Thắng	4	4	750.000	3.000.000	Áp 1
	Nguyễn Thị Lệ Trang					
	Lê Ngọc Kim Ngân					
	Lê Minh Đức					
46	Kiều Thị Kim Nhung (Hoàng Thị Chính)	3	2	750.000	1.500.000	Áp 1
	Kiều Thị Kim Ánh					
47	Lê Văn Hiền	5	5	750.000	3.750.000	Áp 1
	Nguyễn Thị Thủy					
	Lê Nguyễn Đức Huy					
	Lê Như Hoàng					
	Lê Đức Hân					
48	Nguyễn Lai	2	2	750.000	1.500.000	Áp 1
	Đinh Thị Nhân					
49	Đỗ Văn Dân	4	4	750.000	3.000.000	Áp 1
	Đặng Thị Dung					
	Đỗ Thị Diệu Hiền					
	Đỗ Thị Hoàng Quyên					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
50	Nguyễn Văn Hiền	5	4	750.000	3.000.000	Ấp 1
	Cam Thị Lệ					
	Nguyễn Minh Thiên					
	Nguyễn Cam Minh An					
51	Phan Thị Quỳnh Như (Trần Thị Hoài)	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 1
	Phan Đăng Khoa					
	Phan Ngọc Quỳnh Anh					
	Trần Cang					
52	Nguyễn Thị Thê	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 2
	Trần Nguyễn Thị Hồng Thắm					
	Trần Nguyễn Thanh Vương					
	Hà Văn Thơ					
53	Nguyễn Thị Kim Oanh	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 2
	Hà Văn Thư					
	Nguyễn Thị Như Giang					
	Hoàng Gia Huy					
54	Nguyễn Thị Như Giang	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2
	Hoàng Gia Huy					
	Võ Thị Bôi					
55	Lê Thị Mai	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 2
	Lê Thị Mai					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
56	Phạm Thị Bích	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 3
	Phạm Thị Mỹ Linh					
	Nguyễn Ngọc Thảy					
	Nguyễn Ngọc Anh Thư					
	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn					
	Nguyễn Phạm Minh Thư					
57	Đỗ Thị Sầu (Đặng Dân)	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 3
58	Đặng Công Vũ	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3
	Đỗ Thị Xuân					
	Nguyễn Thị Kim Hiền					
59	Nguyễn Đoàn Việt Huy	3	3	750.000	2.250.000	Ấp 3
	Đặng Nữ Kiều Oanh					
	Phạm Ngọc Bảo Thiên					
	Phạm Minh Nguyễn					
60	Lê Ngọc Chính	4	3	750.000	2.250.000	Ấp 3
	Lê Thị Cẩm Tiên					
	Lê Tuấn Dương					
	Võ Thị Hồng Nhi					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
61	Lưu Thị Thùy Trang	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 3
	Lưu Thị Quỳnh Như					
	Lưu Thị Cẩm Ly					
	Lưu Hoài Nam					
62	Lê Trung Châu	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 3
	Đoàn Thị Phương Dung					
	Lê Tú Uyên					
	Lê Quốc Dũng					
	Lê Chí Tâm					
63	Nguyễn Viết Chính	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 3
	Nguyễn Thị Hà					
	Nguyễn Hà Linh Uyên					
	Nguyễn Viết Phong					
	Nguyễn Hà Linh Trâm					
	Nguyễn Viết Khang					
64	Lâm Thị Ngọc	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3
	Trịnh Lâm Tâm Như					
	Lê Thị Dung					

TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
65	Ngô Thị Như Hằng	4	4	750.000	3.000.000	Ấp 3
	Ngô Thị Bạch Yến					
	Ngô Thị Mộng Mơ					
	Trịnh Xuân Cường					
66	Lê Thị Bé Chi	7	6	750.000	4.500.000	Ấp 3
	Lê Thái Bình					
	Trịnh Thị Bích Như					
	Trịnh Thị Như Ý					
	Cao Thị Vui					
67	Lê Thị Kim Ánh	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 3
	Điền Thị Phong Ngọc					
	Nguyễn Thị Hồng Yến					
	Huỳnh Thị Thúy Liễu					
68	Đỗ Bình (Hoàng Thị Tản)	3	2	750.000	1.500.000	Ấp 4
	Đỗ An					
	Đỗ Thị Diễm Chi					
	Đỗ Hoàng Quốc Phong					
69	Đỗ Hoàng Phương Nam	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 4

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu ấp đang ở
70	Đinh Quang Hoàng	6	6	750.000	4.500.000	Ấp 4
	Lê Trần Thúy Diễm					
	Đinh Quang Hiếu					
	Đinh Quang Hiệp					
	Đinh Quang Hải					
71	Đinh Quỳnh Gia Hân	6	5	750.000	3.750.000	Ấp 4
	Nguyễn Thị Thu Hiền					
	Trần Thanh Hùng					
	Trần Thị Bích Vân					
	Trần Thiên Thanh					
72	Huỳnh Trần Gia Thuận	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 4
	Nguyễn Nguyễn					
	Hoàng Thị Cường					
73	Hồ Hữu Kiêng	2	2	750.000	1.500.000	Ấp 4
	Lý Thị Giở					
	Lâm Trí					
74	Trần Thị Thủy	5	5	750.000	3.750.000	Ấp 4
	Lâm Thiên Ân					

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Khu áp đang ở
	Lâm Phương Nhi					
	Lâm Nhã Tường Vy					
	Bùi Thị Vi Nữ					
75	Phạm Thị Ngọc Linh	5	5	750.000	3.750.000	Áp 5
	Phạm Thị Ngọc Tiên					
	Phạm Thị Ngọc Hương					
	Phạm Thị Ngọc Mai					
76	Nguyễn Ánh	5	5	750.000	3.750.000	Áp 5
	Ngô Thị Nguyệt					
	Nguyễn Văn Tuấn					
	Nguyễn Thị Minh					
	Nguyễn Hoàng Thiên					
77	Nguyễn Thị Lan	6	6	750.000	4.500.000	Áp 5
	Phạm Thị Xuân Tâm					
	Phạm Thị Xuân Hương					
	Phạm Thúy Kiều					
	Phạm Nguyễn Nhật Phương					
	Phạm Vỹ Khang					